

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **146/2022/HNGĐ-PT**
Ngày: 07/11/2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
 - Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**
 - Các Thẩm phán: 1. Bà **Mai Vân Anh**
2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tất Thành**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: - Ông **Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2022/TLPT-HNGĐ ngày 17/10/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 616/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXX-PT ngày 25/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **H**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tập thể K, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; điện thoại XXX; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **T**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; điện thoại: XXX; có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: Bị đơn anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T ngày 26/12/2005. Vợ chồng cùng 02 con chung là A sinh năm 2006 và B sinh năm 2017 sống chung với bố mẹ anh T tại đường L, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội đến tháng 7/2021 chị H đưa các con ra ngoài thuê nhà sinh sống.

Theo chị H, vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân ban đầu là do mâu thuẫn giữa chị H với bố mẹ chồng; nhiều lần ông bà lăng mạ, chửi và đuổi chị ra khỏi nhà nhưng anh T không đứng ra giải quyết hay bên vực vợ và cũng không đồng ý việc vợ chồng ra ngoài thuê nhà sống riêng. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng và giữa chị với bố mẹ chồng ngày càng trầm trọng khiến chị không thể chịu đựng được sau 16 năm chung sống. Ngoài ra, trong thời gian chung sống, anh T không có trách nhiệm với gia đình; khi chị dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng thì anh T cũng không quan tâm đến cuộc sống của chị và con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Theo anh T, anh không có lỗi gì với vợ con, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là bất hòa giữa chị H và bố mẹ anh. Anh không thể ra ngoài ở cùng vợ con vì bố mẹ anh đã già, sức khỏe yếu, nhiều bệnh, thường xuyên vào bệnh viện. Chị H ra ngoài ở riêng trong thời gian dịch bệnh nên anh không thăm hỏi vợ con thường xuyên được. Anh vẫn thương yêu vợ, không muốn vợ chồng ly hôn, các con bị ảnh hưởng nên tha thiết mong chị H rút đơn. Đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của chị H để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con.

Mẹ anh T cũng xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, chủ yếu là mâu thuẫn giữa chị H với bố mẹ chồng. Bà vẫn mong muốn chị H rút đơn để đoàn tụ vợ chồng. Gia đình sẽ bán nhà đất để mua một căn hộ chung cư để anh T, chị H sinh sống riêng biệt.

Chị H vẫn không đồng ý đoàn tụ, cương quyết xin ly hôn.

Về việc nuôi dưỡng con chung, ban đầu chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung nhưng sau đó chị H đồng ý để anh T nuôi con lớn A, chị nuôi con nhỏ B; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Theo anh T, trường hợp Tòa án vẫn quyết định cho chị H được ly hôn anh thì có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; nếu không được thì anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con nhỏ B.

Theo chị H và anh T, vợ chồng không có nhà ở chung, còn các tài sản khác như phương tiện đi lại xe máy, đồ dùng, vật dụng gia đình anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H yêu cầu anh T phải thanh toán lại cho chị $\frac{1}{2}$ số tiền 200 triệu đồng mà anh T gửi tiết kiệm Online nhưng đã rút hết chi tiêu riêng sau khi chị ra ngoài ở riêng. Anh T không đồng ý vì số tiền này là tài sản riêng của anh không phải tài sản chung vợ chồng; hơn nữa anh đã rút hết số tiền này để chi tiêu sinh hoạt gia đình đến nay không còn để thanh toán cho chị H. Mặt khác, khi chị H ra khỏi nhà đã mang theo toàn bộ tiền, vàng trang sức và đô la Mỹ của vợ chồng trị giá khoảng 200.000.000đ nên anh không đồng ý với yêu cầu thanh toán tiền của chị H.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 616/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ đã xử cho chị H được ly hôn anh T. Giao cho chị H nuôi dưỡng cháu B, giao anh T nuôi dưỡng cháu A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tòa án không xem xét giải quyết về nhà ở và các tài sản khác như xe máy, đồ dùng, vật dụng gia đình do không có yêu cầu. Buộc anh T phải thanh toán trả chị H 100.000.000đ tiền gửi tiết kiệm mà anh T đã rút hết trong quá trình chị H gửi đơn xin ly hôn. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu 5.000.000đ. án phí dân sự chia tài sản.

Sau khi xử sơ thẩm, anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn; trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị chị H nuôi con A, còn anh nuôi con B. Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T mới khai và có yêu cầu chia số tiền chị H tham gia mua bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H giữ yêu cầu khởi kiện; anh T giữ yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh T có mặt tại phiên tòa ngày 08/7/2022, nộp đơn kháng cáo ngày 18/7/2022, nhận thông báo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và đã nộp biên lai tạm ứng án phí cùng ngày 03/8/2022 nên đơn kháng cáo của anh T là trong thời hạn và hợp lệ quy định tại các Điều 271, 273, 276 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, anh T đã không làm gì để thể hiện tình nghĩa vợ chồng với chị H, ngoài việc anh đi làm trong và ngoài giờ để tăng thu nhập, đưa con gái lớn đi học từ mẫu giáo đến lớp 9; còn việc nội trợ cơm nước đã có bố mẹ anh ở nhà giúp đỡ. Trong khi cuộc sống vợ chồng có rất nhiều công việc và nhiều vấn đề cần có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện cùng nhau giữa 2 vợ chồng chứ không chỉ có mấy việc như anh T khai. Nhất là khi giữa chị H với bố mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên nhưng anh T không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ để hòa giải hay giải quyết vấn đề; khi chị H đưa ra giải pháp là vợ chồng mua nhà ở riêng thì anh T không đồng ý vì không có tiền; còn căn nhà ở quê bố mẹ cho anh để làm nơi thờ cúng, đi lại thăm quê nên không thể bán (bút lục 18); chị H đề nghị thuê nhà ở riêng anh T cũng không đồng ý với lý do anh phải chăm sóc bố mẹ (bút lục 21). Như vậy, anh T không có thiện chí đứng ra hay cùng chị H giải quyết vấn đề, khắc phục khó khăn trong

cuộc sống mà để mặc chị H phải chịu đựng, chống đỡ một mình, đến khi không chịu đựng được buộc chị H phải chọn giải pháp giải thoát, tự mình thuê nhà ở riêng.

Nếu anh T là người thương yêu, quan tâm đến vợ thì sau khi chị H ra ngoài ở, anh sẽ đi lại giữa 2 nơi để dung hòa giữa bố mẹ và vợ. Tuy nhiên, anh T đã không lựa chọn như vậy mà để mặc, không quan tâm đến chị H cả về vật chất lẫn tinh thần. Đúng là trong thời gian chị H thuê nhà ở riêng từ tháng 7/2021 đến ngày 22/10/2021 chị H nộp đơn ly hôn, thành phố Hà Nội thực hiện cách ly toàn xã hội 15 ngày kể từ ngày 24/7/2021 theo Chỉ thị 17/CT-UBND ngày 23/7/2021; trước và sau thời gian này thành phố thực hiện giãn cách, hạn chế đi lại, tập trung đông người và theo anh T khai anh cũng phải đi cách ly nên anh không đến thăm vợ con được. Nhưng anh T không hề gọi điện thoại thăm hỏi, động viên, an ủi hay xin lỗi chị H mà chỉ gọi điện thoại cho con gái lớn (bút lục 18). Anh T biết chị H ra ngoài ở và không thể quay lại nhà bố mẹ ở được là do mâu thuẫn giữa con dâu và bố mẹ chồng nhưng anh cũng không giúp đỡ chị H về vật chất để ổn định cuộc sống hoặc đến ở chung với vợ rồi khi nào bố mẹ đau ốm thì về chăm sóc.

Tất cả những điều đó chứng tỏ giữa anh T và chị H không còn tình nghĩa vợ chồng; nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 3 Điều 2 và Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình không đạt được; quyền lợi và nghĩa vụ của vợ chồng bị vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án 02 cấp đã cố gắng hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T; còn anh T nói còn tình cảm với chị H nhưng không làm gì để chị H thay đổi được quyết định, trong khi hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ 02 phía.

Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị H ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đoàn tụ của anh T.

[3] *Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:* Chị H và anh T không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Việc giao con cho bên nào trực tiếp nuôi không phải là đảm bảo quyền của cha hay mẹ mà là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và cũng không tước đi quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi bởi Khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Chị H, anh T đều mong muốn được nuôi cả 2 con để giáo dục các con trở thành người con tốt, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, con lớn là con gái đã 16 tuổi, có nguyện vọng được ở với anh T nên Tòa án phải xem xét nguyện vọng này của cháu. Con thứ hai là con trai mới hơn 05 tuổi, còn nhỏ, rất cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ trong thời gian này. Mặt khác, chị H tự nhận cũng không có điều kiện để nuôi dưỡng 2 con tốt được nên đồng ý nuôi con thứ hai. Cấp sơ thẩm xử cho anh T nuôi con thứ nhất, chị H nuôi con thứ hai là đảm bảo hai con đều được trông nom, chăm trên 7 tuổi và không làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển về mọi mặt của các con.

Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ là thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con (Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình). Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T đề nghị được nuôi con thứ hai, chị H nuôi con thứ nhất.

[4] Anh T có gửi 02 sổ tiết kiệm mỗi sổ 100 triệu đồng tại Ngân hàng bưu điện V, tài khoản XXX gửi ngày 24/02/2021, tất toán ngày 23/5/2022; tài khoản YYY gửi ngày 01/3/2021, tất toán ngày 14/3/2022. Như vậy, anh T gửi tiết kiệm trong thời gian chị H chưa ra ngoài ở riêng nhưng rút toàn bộ tiền tiết kiệm trong thời gian chị H không sống chung với anh T và đang trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn. Số tiền này tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và anh T không có căn cứ chứng minh là tài sản riêng nên theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình 2014 số tiền này là tài sản chung vợ chồng. Anh T không chứng minh được số tiền này anh đã sử dụng cho mục đích chung của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T phải có trách nhiệm thanh toán 100 triệu cho chị H là có căn cứ.

Anh T không chứng minh được về việc khi ra đi, chị H mang theo tiền, vàng, đồ la Mỹ trị giá khoảng 200 triệu đồng nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

Tại cấp sơ thẩm, anh T chưa có yêu cầu về việc chia số tiền chị H tham gia mua bảo hiểm và Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét, giải quyết yêu cầu này của anh T. Anh T có quyền khởi kiện bằng 1 vụ án khác tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn nêu có yêu cầu.

[5] Không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 616/2022/HNGĐ-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân quận Đ.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị H được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Xác định chị H và anh T có 02 con chung là A sinh ngày 17/10/2006 và B sinh ngày 05/02/2017. Giao cho chị H nuôi dưỡng cháu B, giao cho anh T nuôi dưỡng cháu A. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung được giao nuôi dưỡng đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T và chị H đều có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về nhà ở chung: Chị H, anh T không có nhà ở chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với các tài sản khác xe máy, đồ dùng, vật dụng gia đình, anh T và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Buộc anh T phải thanh toán trả chị H 100.000.000đ tiền gửi tiết kiệm mà anh T đã rút hết trong quá trình chị H gửi đơn xin ly hôn.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069336 ngày 22/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Anh T phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 70485 ngày 03/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hoàng Phúc

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội
- Chi cục THA DS quận Đ
- Tòa án ND quận Đ.
- UBND phường T, quận Đ (Giấy CNKH số 169/2005 quyền số 01)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hoàng Phúc

